

Số: 2023/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 8 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Sở Tư pháp có trách nhiệm:

1. Cập nhật các thủ tục hành chính mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.
2. Công bố công khai Danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp.
3. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 07/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực hành chính tư pháp và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Thừa Thiên Huế;

2. Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;

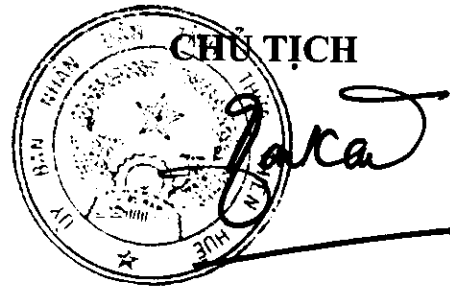
3. Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;

4. Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, KH&CN, TT&TT;
- Các PCVP và CV: NC, TH;
- Lưu: VT, KNNV. ✓



**Nguyễn Văn Cao**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 29/8/2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Cơ quan quyết định
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Công chứng</b>		
1.	Bổ nhiệm công chứng viên	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp
2.	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp
3.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp
4.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
5.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
6.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
7.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
8.	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
9.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
10.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

11.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
12.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
13.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
14.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
15.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
16.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
17.	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
18.	Thành lập Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
19.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
20.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
21.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
22.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
23.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
24.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
25.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
26.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
27.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

28.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
29.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
30.	Thành lập Hội công chứng viên	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</b>		
31.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
32.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
33.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
34.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
35.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
36.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
37.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>		
38.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</b>		
39.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
40.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
41.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

	dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)		
<b>V.</b>	<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>		
42.	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
43.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
44.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
45.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt	Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
46.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp con riêng, cháu ruột, người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên	Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
47.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em	Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, UBND tỉnh	UBND tỉnh
<b>VI.</b>	<b>Lĩnh vực Quốc tịch</b>		
48.	Nhập quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Sở Tư pháp.	Chủ tịch nước
49.	Trở lại quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Sở Tư pháp.	Chủ tịch nước
50.	Thôi quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Sở Tư pháp.	Chủ tịch nước
51.	Xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
52.	Xác nhận là người gốc Việt Nam	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. Lĩnh vực Công chứng**

#### **1. Bổ nhiệm công chứng viên**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

##### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Bản sao bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ, tiến sĩ luật;

- Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật;

- Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng. Đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng thì phải có bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật công chứng;

- Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

##### **Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm;

- Bộ Tư pháp: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm của Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Bộ Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc văn bản từ chối đề nghị, văn bản từ chối bổ nhiệm

**Lệ phí:** Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21/4/2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm công chứng viên:

1. Có bằng cử nhân luật;
2. Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật;
3. Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này;
4. Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;
5. Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.



ảnh  
3x4

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tên tôi là: ..... Nam, nữ: ..... Sinh ngày: ...../...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

Đã được cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng số: ..... ngày ...../...../.....

Dự kiến hành nghề tại.....(1)

Tôi làm Đơn này đề nghị được bổ nhiệm công chứng viên. Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

*Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....*

**Người đề nghị**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

(1) Ghi rõ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến hành nghề.

## **2. Bổ nhiệm lại công chứng viên**

### **Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp; trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm lại phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo Mẫu TP-CC-05 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao quyết định miễn nhiệm công chứng viên;

- Bản sao các giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật công chứng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

### **Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại;

- Bộ Tư pháp: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại của Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Bộ Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc văn bản từ chối đề nghị, văn bản từ chối bổ nhiệm lại

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người được miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi có đề nghị bổ nhiệm lại;

- Người bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn công chứng viên quy định tại Điều 8 của Luật công chứng và lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật công chứng;

- Người bị miễn nhiệm công chứng viên do bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về tội phạm do cố ý, bị xử phạt vi phạm hành chính đến lần thứ hai trong hoạt động hành nghề công chứng mà còn tiếp tục vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên đến lần thứ hai mà còn tiếp tục vi phạm hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc thì không được bổ nhiệm lại công chứng viên.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo Mẫu TP-CC-05 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ảnh

3x4

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM LẠI CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tên tôi là: ..... Nam, nữ: ..... Sinh ngày: ...../...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số: .....  
ngày ...../...../..... của .....; miễn nhiệm công chứng viên theo  
Quyết định số: ..... ngày ...../...../..... của.....

Tôi làm Đơn này đề nghị được bổ nhiệm lại công chứng viên. Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người đề nghị**  
(ký và ghi rõ họ tên)

### **3. Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Công chứng viên đề nghị miễn nhiệm theo nguyện vọng của cá nhân hoặc chuyển làm công việc khác nộp đơn đề nghị miễn nhiệm trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định miễn nhiệm công chứng viên.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-04 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên của Sở Tư pháp.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

#### **Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên;

- Bộ Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Bộ Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định miễn nhiệm công chứng viên

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Công chứng viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng của cá nhân hoặc chuyển làm công việc khác.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-04 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

ảnh  
3x4

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tên tôi là: ..... Nam, nữ: ..... Sinh ngày: ...../...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

Chỗ ở hiện nay: .....

.....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số: .....

ngày ...../...../..... của .....

Nơi hành nghề công chứng: (1) .....

Tôi làm Đơn này đề nghị được miễn nhiệm công chứng viên vì lý do .....

.....

Tôi cam đoan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công chứng viên và chịu

trách nhiệm về những việc công chứng đã thực hiện.

**Xác nhận của** ..... **Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....**

**Văn phòng công chứng (2)** ..... **Người đề nghị**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) ..... (ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1): Ghi rõ tên tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp công chứng viên đã hành nghề.

(2): Trường hợp công chứng viên đã hành nghề tại Văn phòng công chứng thì Trưởng Văn phòng công

chứng nơi công chứng viên hành nghề xác nhận rõ việc công chứng viên đã hoàn thành các nghĩa vụ

của mình đối với Văn phòng công chứng. Công chứng viên của Phòng công chứng không phải có xác

nhận này.

#### **4. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Việc đăng ký tập sự được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

Người yêu cầu tập sự nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

##### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là Thông tư số 04/2015/TT-BTP);

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo về việc đã ghi tên vào danh sách người tập sự của Sở Tư pháp hoặc văn bản thông báo về việc từ chối

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 13 của Luật công chứng;

- Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.



**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 04 năm 2015)*

Kính gửi: Sở Tư pháp .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: ..... Nam/Nữ: .....

Chứng minh nhân dân số/Căn cước công dân số: ..... Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú): .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Tôi đã hoàn thành khoá đào tạo nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Tôi đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (1) số..... ngày..... tháng..... năm..... do Học viện tư pháp cấp. Tôi đã tự liên hệ tập sự/Tôi đã được Sở Tư pháp bố trí tập sự (2) tại Phòng công chứng...../Văn phòng công chứng.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Thời gian tập sự dự kiến bắt đầu từ ngày .... tháng .... năm .....

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

*(Tinh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...*

**Người đề nghị**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

- (1) Nếu hoàn thành khóa đào tạo nghề công chứng thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng thì chọn phương án sau dấu “/”.
- (2) Nếu tự liên hệ tập sự thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu được Sở Tư pháp bố trí tập sự thì chọn phương án sau dấu “/”.

**5. Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

**Trình tự thực hiện:**

- Người tập sự nộp giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:**

Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự, trong đó:

- Nêu rõ lý do thay đổi nơi tập sự;
- Có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về thời gian và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự tại tổ chức mình;
- Xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc nhận tập sự.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo về việc thay đổi nơi tập sự hoặc văn bản thông báo về việc từ chối

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

**6. Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

**Trình tự thực hiện:**

- Người tập sự thay đổi nơi tập sự nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và người tập sự về việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp, đồng thời xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần tạm ngừng tập sự (nếu có) của người tập sự tại địa phương mình; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do;

- Việc đăng ký tập sự được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự hành nghề công chứng chuyển đến tập sự;

- Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự;

- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP;

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Thông báo bằng văn bản của Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự trước đó về việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp, xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần tạm ngừng tập sự.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo về việc đã ghi tên vào danh sách người tập sự của Sở Tư pháp hoặc văn bản thông báo về việc từ chối.

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng.

- Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 13 của Luật công chứng;

+ Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 04 năm 2015)*

Kính gửi: Sở Tư pháp .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: ..... Nam/Nữ: .....

Chứng minh nhân dân số/Căn cước công dân số: ..... Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú): .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Tôi đã hoàn thành khoá đào tạo nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Tôi đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (1) số..... ngày..... tháng..... năm..... do Học viện tư pháp cấp. Tôi đã tự liên hệ tập sự/Tôi đã được Sở Tư pháp bố trí tập sự (2) tại Phòng công chứng...../Văn phòng công chứng.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Thời gian tập sự dự kiến bắt đầu từ ngày .... tháng .... năm .....

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

*(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...*

**Người đề nghị**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

- (1) Nếu hoàn thành khóa đào tạo nghề công chứng thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng thì chọn phương án sau dấu “/”.
- (2) Nếu tự liên hệ tập sự thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu được Sở Tư pháp bố trí tập sự thì chọn phương án sau dấu “/”.

**7. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

**Trình tự thực hiện:**

- Việc đăng ký tập sự được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự hành nghề công chứng chuyển đến tập sự;

Người đăng ký tập sự nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP;

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khoá bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Thông báo bằng văn bản của Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự trước đó về việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp, xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần tạm ngừng tập sự.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo về việc đã ghi tên vào danh sách người tập sự của Sở Tư pháp hoặc văn bản thông báo về việc từ chối.

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khoá bồi dưỡng nghề công chứng.

- Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BTP, cụ thể là:

+ Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 13 của Luật công chứng;

+ Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 04 năm 2015)*

Kính gửi: Sở Tư pháp .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: ..... Nam/Nữ: .....

Chứng minh nhân dân số/Căn cước công dân số: ..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú): .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Tôi đã hoàn thành khoá đào tạo nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Tôi đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (1) số..... ngày..... tháng..... năm..... do Học viện tư pháp cấp. Tôi đã tự liên hệ tập sự/Tôi đã được Sở Tư pháp bố trí tập sự (2) tại Phòng công chứng...../Văn phòng công chứng.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Thời gian tập sự dự kiến bắt đầu từ ngày .... tháng .... năm .....

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

*(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...*

**Người đề nghị**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

- (1) Nếu hoàn thành khóa đào tạo nghề công chứng thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng thì chọn phương án sau dấu “/”.
- (2) Nếu tự liên hệ tập sự thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu được Sở Tư pháp bố trí tập sự thì chọn phương án sau dấu “/”.

## **8. Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Người tập sự hành nghề công chứng thông báo bằng văn bản với tổ chức hành nghề công chứng nơi mình đang tập sự về việc tạm ngừng tập sự trong trường hợp có lý do chính đáng; thông báo chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng tập sự;

- Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp chậm nhất là 05 ngày sau ngày người tập sự tạm ngừng tập sự.

Tổ chức hành nghề công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp ghi chú việc tạm ngừng tập sự vào Sổ theo dõi tập sự hành nghề công chứng.

### **Cách thức thực hiện:**

- Thông báo bằng văn bản của người tập sự về việc tạm ngừng tập sự nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến tổ chức hành nghề công chứng nơi tập sự.

- Tổ chức hành nghề công chứng nộp thông báo tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:** Văn bản thông báo về việc tạm ngừng tập sự.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

## **9. Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày người tập sự chấm dứt tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt tập sự;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự, đồng thời xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp;

- Sở Tư pháp gửi Quyết định chấm dứt tập sự cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và Bộ Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:** Báo cáo bằng văn bản về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hành nghề công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chấm dứt tập sự

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người tập sự chấm dứt việc tập sự hành nghề công chứng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tự chấm dứt tập sự;
- Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- Không còn thường trú tại Việt Nam;
- Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- Tạm ngừng tập sự quá số lần quy định hoặc đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư Thông tư số 04/2015/TT-BTP mà không tiếp tục tập sự;

- Thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề công chứng tại thời điểm đăng ký tập sự.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

## **10. Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Việc đăng ký tập sự lại được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;

Người đăng ký tập sự nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP;

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo về việc đã ghi tên vào danh sách người tập sự của Sở Tư pháp hoặc văn bản thông báo về việc từ chối

**Lệ phí:** Không quy định

### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người tập sự chấm dứt việc tập sự hành nghề công chứng được xem xét đăng ký lại việc tập sự khi đủ điều kiện đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BTP và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Lý do chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c, e và h khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2015/TT-BTP không còn;

- Đã chấp hành xong bản án, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm do cố ý;

- Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

- Sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày quyết định của Sở Tư pháp về việc xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Thông tư 04/2015/TT-BTP có hiệu lực.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 04 năm 2015)

Kính gửi: Sở Tư pháp .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: ..... Nam/Nữ: .....

Chứng minh nhân dân số/Căn cước công dân số: ..... Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú): .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Tôi đã hoàn thành khoá đào tạo nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng/Tôi đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (1) số..... ngày..... tháng..... năm..... do Học viện tư pháp cấp. Tôi đã tự liên hệ tập sự/Tôi đã được Sở Tư pháp bố trí tập sự (2) tại Phòng công chứng...../Văn phòng công chứng.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Thời gian tập sự dự kiến bắt đầu từ ngày .... tháng .... năm .....

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề công chứng.

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

**Người đề nghị**

(ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

- (1) Nếu hoàn thành khóa đào tạo nghề công chứng thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng thì chọn phương án sau dấu “/”.
- (2) Nếu tự liên hệ tập sự thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu được Sở Tư pháp bố trí tập sự thì chọn phương án sau dấu “/”.

## **11. Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)**

### **Trình tự thực hiện:**

- Công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về việc từ chối hướng dẫn tập sự;

- Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp ;

Tổ chức hành nghề công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Tư pháp chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:** Thông báo bằng văn bản về việc công chứng viên từ chối hướng dẫn tập sự và tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hành nghề công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Sở Tư pháp chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự.

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.



## **12. Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi**

### **Trình tự thực hiện:**

- Người tập sự đề nghị thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự;
- Tổ chức hành nghề công chứng phân công công chứng viên khác hướng dẫn tập sự; trường hợp không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự thì tổ chức hành nghề công chứng thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp;

Tổ chức hành nghề công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Tư pháp chỉ định tổ chức hành nghề công chứng khác nhận người tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:** Thông báo bằng văn bản của tổ chức hành nghề công chứng về việc không có công chứng viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hành nghề công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Sở Tư pháp chỉ định tổ chức hành nghề công chứng khác cử công chứng viên hướng dẫn tập sự

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

**13. Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể**

**Trình tự thực hiện:**

- Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể thì người tập sự thỏa thuận với một tổ chức hành nghề công chứng khác để tập sự; trường hợp không thỏa thuận được thì đề nghị Sở Tư pháp nơi mình muốn tập sự chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng để tập sự;

Người tập sự nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Tư pháp chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng khác nhận người tập sự và cử công chứng viên hướng dẫn tập sự.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị của người tập sự về việc chỉ định tổ chức hành nghề công chứng khác để tập sự

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của người tập sự

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản của Sở Tư pháp chỉ định tổ chức hành nghề công chứng khác cử công chứng viên hướng dẫn tập sự

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

#### **14. Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Người tập sự đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 15 ngày, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đăng ký về việc ghi tên người đó vào danh sách đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra kết quả tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

##### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP;

- Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tham dự kiểm tra vào danh sách đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra kết quả tập sự và thông báo bằng văn bản cho người đăng ký biết.

**Lệ phí:** Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP

##### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ**  
**KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 04 năm 2015)

Kính gửi: Sở Tư pháp .....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: .....; Nam/Nữ: .....

Chứng minh nhân dân số/Căn cước công dân số: .....

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký thường trú (hoặc tạm trú): .....

.....

Chỗ ở hiện nay: .....

.....

Tôi đã hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại Phòng công chứng...../Tôi đã hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại Văn phòng công chứng.....(1)

Địa chỉ trụ sở: .....

.....

Họ tên, số Thẻ của công chứng viên hướng dẫn tập sự:.....

Thời gian tập sự bắt đầu từ ngày .... tháng .... năm ..... và kết thúc vào ngày .... tháng .... năm .....

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của thí sinh tham dự kiểm tra.

**Xác nhận của**  
**Trưởng Phòng/Trưởng Văn phòng**  
(xác nhận các thông tin người tập sự  
cung cấp, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu  
của tổ chức)

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

**Người đề nghị**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

(1) Nếu hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại Phòng công chứng thì chọn phương án trước dấu “/”; nếu hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại Văn phòng công chứng thì chọn phương án sau dấu “/”.

## **15. Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên**

### **Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức hành nghề công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, ghi tên người được đăng ký hành nghề vào Danh sách công chứng viên hành nghề tại địa phương và cấp Thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên theo Mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

- 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);

- Thẻ Hội viên hoặc giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập Hội công chứng viên);

- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở;

- Giấy tờ chứng minh đã chấm dứt hành nghề đối với người đang hành nghề luật sư, đấu giá, thừa phát lại hoặc công việc thường xuyên khác.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Người được đăng ký hành nghề được ghi tên vào Danh sách công chứng viên hành nghề tại địa phương và được cấp Thẻ công chứng viên hoặc văn bản thông báo việc bị từ chối đăng ký hành nghề

**Lệ phí:** Lệ phí cấp mới, cấp lại thẻ công chứng viên 200.000 đồng/thẻ (Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên theo Mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ**  
**VÀ CẤP THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Đề nghị Sở Tư pháp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cho các công chứng viên sau đây:

STT	Họ và tên	Nơi cư trú
1		
2		
3		
...		

*Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....*  
**Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng**  
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## 16. Cấp lại Thẻ công chứng viên

### Trình tự thực hiện:

- Công chứng viên đề nghị cấp lại Thẻ công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, cấp lại Thẻ cho công chứng viên hoặc thông báo bằng văn bản về việc từ chối.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-07 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);

- Thẻ công chứng viên đang sử dụng (trong trường hợp Thẻ bị hỏng).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công chứng viên

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ công chứng viên được cấp lại hoặc văn bản từ chối cấp lại thẻ

**Lệ phí:** Lệ phí cấp mới, cấp lại thẻ công chứng viên 200.000 đồng/thẻ (Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ công chứng đã được cấp bị mất hoặc bị hỏng

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-07 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

### Căn cứ pháp lý:

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.



TP-CC-07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố) .....

Tên tôi là: ..... Nam, nữ: ..... Sinh ngày: ...../...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Hiện đang hành nghề công chứng tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng  
.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Đã được cấp Thẻ công chứng viên số: .....

Lý do đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên:.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

**Xác nhận của Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng về việc công chứng viên đang hành nghề tại tổ chức mình**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người đề nghị**  
(ký và ghi rõ họ tên)

## **17. Xóa đăng ký hành nghề công chứng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Khi công chứng viên không còn làm việc tại tổ chức hành nghề công chứng thì tổ chức hành nghề công chứng thông báo cho Sở Tư pháp để xóa đăng ký hành nghề công chứng.

- Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề, ra quyết định thu hồi Thẻ công chứng viên.

- Sở Tư pháp đăng tải thông tin về việc thu hồi Thẻ công chứng trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp thông báo tại Sở Tư pháp

**Thành phần hồ sơ:** Thông báo của tổ chức hành nghề công chứng

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hành nghề công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014.

## **18. Thành lập Văn phòng công chứng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Sở Tư pháp;

- Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-08 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Đề án thành lập Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập, dự kiến về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện;

- Bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*Sở Tư pháp 10 ngày, UBND tỉnh 10 ngày*).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công chứng viên

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, UBND tỉnh

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-13 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP hoặc văn bản từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Việc thành lập Văn phòng công chứng phải tuân theo quy định của Luật công chứng và phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-08 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

Chúng tôi gồm các công chứng viên có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Nơi cư trú
1		
2		
.....		

đề nghị cho phép thành lập Văn phòng công chứng với các nội dung sau đây:

1. Tên Văn phòng công chứng (ghi bằng chữ in hoa):.....

2. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại:.....Fax:.....Email (nếu có):.....

Website (nếu có):.....

3. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: ..... Nam, nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

Chỗ ở hiện nay: .....

.....

Chúng tôi cam đoan thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người đề nghị**

(ký và ghi rõ họ tên những người đề nghị)

## **19. Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Văn phòng công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Tư pháp xem xét, cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-18 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập;

- Hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Lệ phí cấp mới giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng: 1.000.000 đồng/giấy (Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cho phép thành lập, Văn phòng công chứng phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra quyết định cho phép thành lập

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*):.....2. Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số: .....  
..... ngày ...../...../.....

3. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại:.....Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

Website (nếu có): .....

4. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: ..... Nam, nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

5. Danh sách công chứng viên (bao gồm cả Trưởng Văn phòng công chứng):

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Công chứng viên hợp danh/Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng
1			
2			
....			

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Trưởng Văn phòng***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## 20. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng

### Trình tự thực hiện:

- Văn phòng công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Tư pháp xem xét cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng trong trường hợp thay đổi tên gọi, trụ sở hoặc Trưởng Văn phòng công chứng hoặc ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng trong trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động khác; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;

- Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (bản chính);

- Một hoặc một số giấy tờ sau đây tùy thuộc vào nội dung đăng ký hoạt động được đề nghị thay đổi:

*\* Trong trường hợp thay đổi danh sách công chứng viên:*

+ Hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên được bổ sung cho Văn phòng công chứng:

. Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên;

. Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

. 01 ảnh chân dung cỡ 2 x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);

. Thẻ hội viên hoặc giấy tờ khác chứng minh đã là Hội viên của Hội công chứng viên (nếu tỉnh đã thành lập Hội công chứng viên);

. Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố (nơi tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở);

. Giấy tờ chứng minh đã chấm dứt hành nghề đối với người đang hành nghề luật sư, đấu giá, thừa phát lại hoặc công việc khác thường xuyên.

+ Văn bản thỏa thuận về việc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh của công chứng viên;

+ Văn bản thanh lý hợp đồng lao động với công chứng viên làm việc theo



chế độ hợp đồng;

+ Giấy tờ chứng minh công chứng viên của Văn phòng công chứng bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

\* *Trong trường hợp thay đổi Trường Văn phòng công chứng:* Giấy tờ chứng minh công chứng viên dự kiến là Trường Văn phòng đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên.

\* *Trong trường hợp thay đổi trụ sở:* Giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp thay đổi trụ sở của Văn phòng công chứng; trường hợp thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng sang địa bàn cấp huyện khác thì phải có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật công chứng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được thay đổi, giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được cấp lại hoặc văn bản từ chối cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Lệ phí cấp lại giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng: 500.000 đồng/giấy (đối với trường hợp cấp lại)

*Trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động cũ: không thu lệ phí.*

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (ghi bằng chữ in hoa): .....

2. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

3. Giấy đăng ký hoạt động số: ..... Ngày cấp ...../...../.....

4. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....

Chỗ ở hiện nay: .....

.....

Đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng như sau  
(1):

.....

*Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....*

**Trưởng Văn phòng**

*(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

**Chú thích:**

(1) Ghi một hoặc nhiều nội dung đề nghị thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật công chứng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ**  
**VÀ CẤP THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Đề nghị Sở Tư pháp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cho các công chứng viên sau đây:

STT	Họ và tên	Nơi cư trú
1		
2		
3		
...		

*Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....*  
**Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng**  
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## 21. Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)

### Trình tự thực hiện:

- Văn phòng công chứng phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hoạt động chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động;

Văn phòng công chứng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, Văn phòng công chứng có nghĩa vụ nộp đủ số thuế còn nợ, thanh toán các khoản nợ khác, làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với công chứng viên, nhân viên của tổ chức mình, thực hiện các yêu cầu công chứng đã tiếp nhận. Trường hợp không thể thực hiện xong các yêu cầu công chứng đã tiếp nhận thì phải thỏa thuận với người yêu cầu công chứng về việc thực hiện các yêu cầu đó;

- Văn phòng công chứng có nghĩa vụ đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi đã đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động;

- Sở Tư pháp có trách nhiệm thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, báo cáo UBND tỉnh thu hồi quyết định cho phép thành lập và thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng với các cơ quan quy định tại Điều 25 của Luật công chứng.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**Thành phần hồ sơ:** Báo cáo của Văn phòng công chứng gửi Sở Tư pháp về việc chấm dứt hoạt động.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thu hồi giấy đăng ký hoạt động và văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:** Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014.

## 22. Hợp nhất Văn phòng công chứng

### Trình tự thực hiện:

- Mỗi Văn phòng công chứng cử một công chứng viên hợp danh làm đại diện để ký kết hợp đồng hợp nhất;

- Các Văn phòng công chứng hợp nhất nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### Thành phần hồ sơ:

- Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng được hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng hợp nhất; thời gian thực hiện hợp nhất; phương án chuyên tài sản của các Văn phòng công chứng được hợp nhất sang Văn phòng công chứng hợp nhất; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng hợp nhất; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng được hợp nhất và các nội dung khác có liên quan;

- Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất;

- Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất;

- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất;

- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

### Thời hạn giải quyết:

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- UBND tỉnh: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, UBND tỉnh

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-15 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP hoặc văn bản từ chối cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Các Văn phòng công chứng hợp nhất phải có trụ sở trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

### **23. Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Văn phòng công chứng hợp nhất nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp xem xét, cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng hợp nhất, đồng thời thực hiện việc xóa tên các Văn phòng công chứng được hợp nhất khỏi danh sách đăng ký hoạt động.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng;

- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng;

- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động theo Mẫu TP-CC-18 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP hoặc văn bản từ chối cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Lệ phí cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng 1.000.000 đồng/giấy (Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định cho phép hợp nhất, Văn phòng công chứng hợp nhất phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra Quyết định cho phép hợp nhất

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

#### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*):.....2. Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số: .....  
..... ngày ...../...../.....

3. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại:.....Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

Website (nếu có): .....

4. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: ..... Nam, nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

5. Danh sách công chứng viên (bao gồm cả Trưởng Văn phòng công chứng):

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Công chứng viên hợp danh/Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng
1			
2			
....			

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Trưởng Văn phòng***(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## 24. Sáp nhập Văn phòng công chứng

### Trình tự thực hiện:

- Mỗi Văn phòng công chứng cử một công chứng viên hợp danh làm đại diện để ký kết hợp đồng sáp nhập;

- Các Văn phòng công chứng sáp nhập nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### Thành phần hồ sơ:

- Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; thời gian thực hiện sáp nhập; phương án chuyển tài sản của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập sang Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập và các nội dung khác có liên quan;

- kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập;

- Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng;

- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng;

- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

### Thời hạn giải quyết:

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- UBND tỉnh: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, UBND tỉnh

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-16 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP hoặc văn bản từ chối cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng bị sáp nhập phải có trụ sở trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với Văn phòng công chứng nhận sáp nhập

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

## **25. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập**

### **Trình tự thực hiện:**

- Văn phòng công chứng nhận sáp nhập nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;
- Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng;
- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập;
- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng bị sáp nhập.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập đã được thay đổi

**Lệ phí:** Lệ phí cấp lại giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng: 500.000 đồng/giấy (đối với trường hợp cấp lại)

*Trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động cũ: không thu lệ phí.*

### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định cho phép sáp nhập, Văn phòng công chứng nhận sáp nhập phải thực hiện thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 24 của Luật công chứng.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (ghi bằng chữ in hoa): .....

2. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

3. Giấy đăng ký hoạt động số: ..... Ngày cấp ...../...../.....

4. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng như sau  
(1):

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Trưởng Văn phòng**

(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**Chú thích:**

(1) Ghi một hoặc nhiều nội dung đề nghị thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật công chứng

## 26. Chuyển nhượng Văn phòng công chứng

### Trình tự thực hiện:

- Văn phòng công chứng có nhu cầu chuyển nhượng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### Thành phần hồ sơ:

- Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng, trong đó có nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; tên, số Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giá chuyển nhượng, việc thanh toán tiền và bàn giao Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác có liên quan;

Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng phải có chữ ký của công chứng viên hợp danh đại diện cho các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng, các công chứng viên nhận chuyển nhượng và phải được công chứng;

- Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;

- Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;

- Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên đối với công chứng viên nhận chuyển nhượng dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng;

- Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;

- Kế khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;
- UBND tỉnh: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, UBND tỉnh

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-17 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP hoặc văn bản từ chối cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.



## **27. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng**

### **Trình tự thực hiện:**

- Văn phòng công chứng được chuyển nhượng nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng;

- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;

- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng đã được cấp lại theo Mẫu TP-CC-18 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Lệ phí:** Lệ phí cấp lại giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng 500.000 đồng/giấy (Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Việc thay đổi trụ sở của Văn phòng công chứng sang huyện, quận, thị xã, thành phố khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đã ra quyết định cho phép thành lập phải được UBND tỉnh xem xét, quyết định và phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

2. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

3. Giấy đăng ký hoạt động số: ..... Ngày cấp ...../...../.....

4. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng như sau  
(1):

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Trưởng Văn phòng***(kí, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)***Chú thích:**

(1) Ghi một hoặc nhiều nội dung đề nghị thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật công chứng

## **28. Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập**

### **Trình tự thực hiện:**

- Văn phòng công chứng chuyên đổi nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh đề nghị chuyển đổi; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị chuyển đổi Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-11 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Báo cáo tình hình tài chính, tổ chức, hoạt động, hồ sơ công chứng hiện đang lưu trữ tại Văn phòng công chứng đề nghị chuyển đổi;

- Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng đề nghị chuyển đổi (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

### **Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- UBND tỉnh: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, UBND tỉnh

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập theo Mẫu TP-CC-14 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP hoặc văn bản từ chối cho phép chuyển đổi

**Lệ phí:** Không có

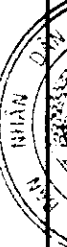
**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị chuyển đổi Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-11 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

www.LuatVietnam.vn



THỨ N

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

Tên Văn phòng công chứng (ghi bằng chữ in hoa): .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Quyết định cho phép thành lập số: ..... ngày ...../...../.....

Giấy đăng ký hoạt động số: ..... ngày ...../...../.....

Họ và tên Trưởng Văn phòng công chứng: .....

Đề nghị được chuyển đổi thành Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh với các nội dung sau đây:

1. Tên Văn phòng công chứng chuyển đổi (ghi bằng chữ in hoa):.....

2. Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

3. Họ và tên Trưởng Văn phòng công chứng: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

4. Danh sách công chứng viên (bao gồm cả Trưởng Văn phòng công chứng):

STT	Họ và tên	Nơi cư trú
1		
2		
...		

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

**Trưởng Văn phòng công chứng**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## **29. Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập**

### **Trình tự thực hiện:**

- Văn phòng công chứng chuyển đổi nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký hoạt động theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP;

- Quyết định cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Giấy tờ chứng minh về trụ sở mới của Văn phòng công chứng chuyển đổi trong trường hợp Văn phòng công chứng thay đổi trụ sở.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng công chứng

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-18 hoặc văn bản thông báo việc từ chối cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng

**Lệ phí:** Lệ phí cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng 1.000.000 đồng/giấy (Theo quy định của Thông tư số 54/2015/TT-BTC)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cho phép chuyển đổi, Văn phòng công chứng chuyển đổi phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra quyết định cho phép chuyển đổi

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký hoạt động theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*):.....
2. Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số: .....  
..... ngày ...../...../.....
3. Địa chỉ trụ sở: .....
- Điện thoại:.....Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....
- Website (nếu có): .....
4. Trưởng Văn phòng công chứng:  
Họ và tên: ..... Nam, nữ: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
- .....
- Chỗ ở hiện nay: .....
- .....
5. Danh sách công chứng viên (bao gồm cả Trưởng Văn phòng công chứng):

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Công chứng viên hợp danh/Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng
1			
2			
....			

*Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....*

**Trưởng Văn phòng**  
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

### **30. Thành lập Hội công chứng viên**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Ban vận động thành lập Hội công chứng viên xây dựng Đề án thành lập Hội công chứng viên gửi Sở Tư pháp thẩm định;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thành lập Hội công chứng viên, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Hội công chứng viên;
- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh ra Quyết định cho phép thành lập Hội công chứng viên; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp Đề án tại Sở Tư pháp

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Đề án thành lập Hội công chứng viên;
- Tờ trình Đề án;
- Báo cáo thẩm định Đề án.

**Số lượng hồ sơ:** Không quy định

#### **Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;
- UBND tỉnh: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công chứng viên

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, UBND tỉnh

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép thành lập, văn bản từ chối cho phép thành lập Hội công chứng viên

**Lệ phí:** Không quy định

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

#### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

## **II. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản**

### **1. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Người có chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

Trường hợp người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp thì xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên để đối chiếu.

Trường hợp người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp khi có yêu cầu thì xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và thông báo bằng văn bản cho người đó; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, Sở Tư pháp gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

Trong trường hợp cần thiết, người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản ghi tên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

**Lệ phí:** Chưa quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Những người sau đây không được đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân:

- Không đủ điều kiện quy định tại Điều 12 của Luật phá sản.
- Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật Phá sản;
- Người đang bị cấm hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo bản án hay quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân theo mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định này.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.
- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  
**HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN**  
**VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN**

**Kính gửi:** .....

Tên tôi là: ..... Nam/Nữ: ..... Ngày sinh: ...../...../.....

Chúng tôi hành nghề Quản tài viên số: ..... do Bộ Tư pháp cấp  
ngày: ...../...../.....

**Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân**  
**với các nội dung sau đây:**

1. Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên giao dịch (nếu có): .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ...../...../.....

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

2. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phá sản.

Tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

*Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...*

*Ký, ghi rõ họ tên*

## **2. Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân**

### **Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân chấm dứt việc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì phải gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp.

Quản tài viên nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp quyết định xóa tên Quản tài viên đó khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và báo cáo Bộ Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

Văn bản thông báo chấm dứt việc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xóa tên Quản tài viên khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Lệ phí:** Không quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.

- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

### **3. Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính; trong trường hợp doanh nghiệp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thì doanh nghiệp gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đó có trụ sở.

Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Sở Tư pháp lập danh sách chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương, công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi báo cáo Bộ Tư pháp.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

#### **Thành phần hồ sơ:**

Văn bản thông báo sau khi doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Danh sách chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương được lập và được công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

**Lệ phí:** Không quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

#### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.

- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



#### **4. Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trực tiếp tại Sở Tư pháp thì xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người được đề nghị thay đổi để đối chiếu.

Trường hợp doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp khi có yêu cầu thì phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người được đề nghị thay đổi.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét quyết định thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp tư nhân cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản. Doanh nghiệp bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

##### **Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thay đổi.
- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh mới; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân mới.

Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nộp Phiếu lý lịch tư pháp của những người được đề nghị thay đổi theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

**Lệ phí:** Không quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.

- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

## **5. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản**

### **Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp có trụ sở.

Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trực tiếp tại Sở Tư pháp thì xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để đối chiếu.

Trường hợp doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp khi có yêu cầu thì phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên doanh nghiệp vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đó.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có).

Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nộp Phiếu lý lịch tư pháp của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp

chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ghi tên doanh nghiệp vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Lệ phí:** Chưa quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.
- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**TÊN DOANH NGHIỆP  
QUẢN LÝ, THANH LÝ  
TÀI SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH  
NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN**

Kính gửi: .....

**1. Tên gọi đầy đủ của doanh nghiệp:** .....

Tên giao dịch: .....

**2. Địa chỉ trụ sở:** .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

Website: .....

**Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với các nội dung sau đây:**

**1. Tên doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (tên gọi ghi bằng chữ in hoa):**

.....

Tên giao dịch (nếu có): .....

Tên viết tắt (nếu có): .....

Tên tiếng Anh (nếu có): .....

**2. Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản:**

Họ và tên: ..... Nam/Nữ: ..... Ngày sinh: ...../...../.....

Chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: ...../...../.....

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

Chỗ ở hiện nay: .....

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số: ..... Ngày cấp ...../...../.....

**3. Thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là Quản tài viên đối với công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản:**

a) Họ và tên: ..... Nam/Nữ: ..... Ngày sinh: ...../...../.....

Chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: ...../...../.....

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....  
Chỗ ở hiện nay: .....

.....  
Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số: ..... Ngày cấp .../.../.....

b) Họ và tên: ..... Nam/Nữ: ..... Ngày sinh: .../.../.....

Chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: .../.../.....

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....  
Chỗ ở hiện nay: .....

.....  
Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số: ..... Ngày cấp .../.../.....

c) Họ và tên: ..... Nam/Nữ: ..... Ngày sinh: .../.../.....

Chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: .../.../.....

Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....  
Chỗ ở hiện nay: .....

.....  
Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số: ..... Ngày cấp .../.../.....

4. Danh sách những người hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khác trong doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh (nếu có):

Stt	Họ tên	Năm sinh	Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (ghi rõ số, ngày cấp)	Địa chỉ, số điện thoại liên hệ

5. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phá sản.

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...  
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

## **6. Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên**

### **Trình tự thực hiện:**

- Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Lệ phí:** Không quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.

- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

## **7. Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản**

### **Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

### **Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

**Lệ phí:** Không quy định.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.

- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.



### III. Lĩnh vực Hộ tịch

#### 1. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

##### Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế).

Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân thì gửi văn bản yêu cầu nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp.

- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ do người yêu cầu xuất trình hoặc nộp.

- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.

- Hồ sơ yêu cầu cấp bản sao trích lục sau khi đã được hướng dẫn theo quy định mà không được bổ sung đầy đủ, hoàn thiện thì người tiếp nhận từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên.

- Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch căn cứ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch, ghi nội dung bản sao trích lục hộ tịch, báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp ký cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu.

##### \* Lưu ý:

+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao có chứng thực giấy tờ đó.

+ Trường hợp pháp luật quy định xuất trình giấy tờ khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ xuất trình, đối chiếu với thông tin trong Tờ khai và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm bản sao giấy tờ đó. Người tiếp nhận có thể chụp 01 bản giấy tờ xuất trình hoặc ghi lại thông tin của giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

##### Cách thức thực hiện:

- Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch;

- Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; cơ quan, tổ chức có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp gửi văn bản yêu cầu hoặc gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính.

#### **Thành phần hồ sơ:**

##### **\* Giấy tờ phải xuất trình:**

- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.

Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên.

##### **\* Giấy tờ phải nộp:**

- Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân.

- Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.

- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, cơ quan, tổ chức.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Bản sao trích lục hộ tịch

**Lệ phí:** Không quy định.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật hộ tịch năm 2014;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

#### IV. Lĩnh vực Lý lịch tư pháp

##### 1. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

###### Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ:

+ Công dân Việt Nam nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó thường trú; trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh.

+ Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.

Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến.

- Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh, tra cứu thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu.

- Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến.

###### Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định (*Mẫu số 03/2013/TT-LLTP; Mẫu số 04/2013/TT-LLTP*).

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp; Bản sao sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Trường hợp nộp bản chụp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật).

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, trừ trường hợp người yêu cầu cấp lý lịch tư pháp số 2 là người chưa thành niên thì cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch số 2.

- Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1)

Ngoài ra, người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm lệ phí phải xuất trình các giấy tờ để chứng minh.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Cơ quan công an; Cơ quan Tòa án; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiền hành tố tụng có liên quan.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (*Mẫu số 03/2013/TT-LLTP*);
- Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2) (*Mẫu số 04/2013/TT-LLTP*).

**Lệ phí:**

- Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp 200.000đồng/lần/người.
- Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ là 100.000đồng/lần/người.

Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 3.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.

- Người thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật; người cư trú tại xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**  
(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)

Kính gửi: .....

1. Tên tôi là<sup>1</sup>: .....

2. Tên gọi khác (nếu có): ..... 3. Giới tính : .....

4. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

5. Nơi sinh<sup>2</sup>: .....

6. Quốc tịch: ..... 7. Dân tộc: .....

8. Nơi thường trú<sup>3</sup>: .....

9. Nơi tạm trú<sup>4</sup>: .....

10. Giấy CMND/Hộ chiếu : .....<sup>5</sup>Số: .....

Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại: .....

11. Họ tên cha: ..... Ngày/tháng/năm sinh .....

12. Họ tên mẹ: ..... Ngày/tháng/năm sinh .....

13. Họ tên vợ/chồng..... Ngày/tháng/năm sinh .....

11. Số điện thoại/e-mail: .....

**QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN**

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc <sup>6</sup>


Phân khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp<sup>7</sup>: Số 1  Số 2

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): Có  Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

<sup>1</sup> Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

<sup>2</sup> Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>3,4</sup> Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

<sup>5</sup> Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

<sup>6</sup> Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

<sup>7</sup> **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

**Phiếu lý lịch tư pháp số 2** là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

(Dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2)

Kính gửi: .....

1. Tên tôi là<sup>1</sup>: .....
2. Tên gọi khác (nếu có): ..... 3. Giới tính: .....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh<sup>2</sup>: .....
6. Địa chỉ<sup>3</sup>: .....
- ..... Số điện thoại : .....
7. Giấy CMND/Hộ chiếu: .....<sup>4</sup> Số: .....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại: .....
8. Được sự ủy quyền : .....
- 8.1. Môi quan hệ với người ủy quyền<sup>5</sup> : .....
- 8.2. Theo văn bản ủy quyền ký ngày<sup>6</sup> .....tháng.....năm.....
- Tôi làm Tờ khai này để nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có tên dưới đây :

**PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

1. Họ và tên<sup>7</sup>: .....
2. Tên gọi khác (nếu có): ..... 3. Giới tính .....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh<sup>2</sup> : .....
6. Quốc tịch : ..... 7. Dân tộc: .....
8. Nơi thường trú<sup>8</sup> : .....
- .....
9. Nơi tạm trú<sup>9</sup>: .....
- .....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu : .....<sup>10</sup> Số: .....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại: .....
11. Số điện thoại/e-mail: .....

**PHÂN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/ CHỒNG CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC CHA, MẸ CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

	CHA	MẸ	VỢ/ CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

**QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN<sup>11</sup>**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc <sup>12</sup>

Phân khai về án tích, về nội dung đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có): .....

Yêu cầu xác nhận về nội dung đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có  Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: .....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp: ..... Phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- <sup>1</sup> Họ và tên người được ủy quyền hoặc của cha/mẹ người chưa thành niên; ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.
- <sup>2</sup> Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.
- <sup>3</sup> Ghi rõ địa chỉ để liên lạc khi cần thiết.
- <sup>4</sup> Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.
- <sup>5</sup> Ghi rõ mối quan hệ trong trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền; trong trường hợp này không cần có văn bản ủy quyền.
- <sup>6</sup> Ghi rõ trong trường hợp có văn bản ủy quyền.
- <sup>7</sup> Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.
- <sup>8,9</sup> Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.
- <sup>10</sup> Trường hợp là người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải ghi nội dung này.
- <sup>11</sup> Kê khai quá trình cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc từ khi từ 14 tuổi trở lên.
- <sup>12</sup> Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

**2. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)**

**Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho các đối tượng liên quan gửi văn bản trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến;

- Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh, tra cứu thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Nhận kết quả tại Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến

**Thành phần hồ sơ:** Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (*Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP*).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Cơ quan công an; Cơ quan Tòa án; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiền hành tổ tụng có liên quan.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (*Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP*).

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....., ngày..... tháng.....năm.....

Kính gửi:<sup>1</sup> .....

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm  
2009,.....<sup>2</sup> đề nghị  
.....<sup>1</sup> cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người có  
tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....
2. Tên gọi khác (nếu có): ..... 3. Giới tính .....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../ .../ ..... 5. Nơi sinh : .....
6. Quốc tịch :.....7. Dân  
tộc.....
8. Nơi thường trú: .....
9. Nơi tạm trú:.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....Số: .....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại: .....
11. Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý  
doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có  Không
12. Mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp:  
.....
13. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

**Nơi nhận:** .....

- Như trên;

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú :**

<sup>1</sup> Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

<sup>2</sup> Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

### **3. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan tiến hành tố tụng có nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho các đối tượng liên quan gửi văn bản trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến;

- Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh, tra cứu thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Nhận kết quả tại Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản yêu cầu trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến. Trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua điện thoại, fax hoặc bằng các hình thức khác và có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

**Thành phần hồ sơ:** Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (*Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP*).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.

Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Cơ quan phối hợp:** Cơ quan công an; Cơ quan Tòa án; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan tiến hành tố tụng.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (*Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP*).

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phiếu lý lịch tư pháp số 2.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009, để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, .....<sup>2</sup> đề nghị  
.....<sup>1</sup> cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
5. Nơi sinh: .....
6. Quốc tịch: .....
7. Dân tộc.....
8. Nơi thường trú: .....
- .....
9. Nơi tạm trú: .....
- .....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu: .....
- Số: .....
- Cấp ngày..... tháng..... năm.....
- Tại: .....
11. Họ và tên vợ (hoặc chồng) : .....
12. Họ và tên cha:.....
13. Họ và tên mẹ:.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

-

.....  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú :**

<sup>1</sup> Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

<sup>2</sup> Ghi rõ tên cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.



## V. Lĩnh vực Nuôi con nuôi

1. Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi

### Trình tự thực hiện:

- Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp;

\* Địa chỉ và thời gian tiếp nhận: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế; từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ).

- Sở Tư pháp xem xét, cấp giấy xác nhận người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

### Thành phần hồ sơ:

#### *Hồ sơ của người nhận con nuôi:*

- Đơn xin nhận con nuôi theo mẫu quy định; (Bản chính)
- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; (Bảo sao)
- Phiếu lý lịch tư pháp; (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng)
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân).
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng);
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này) (bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày, trường hợp cần xác minh thì có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Ủy ban nhân dân xã, nơi người xin nhận con nuôi thường trú.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);

- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (mẫu sử dụng cho người nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) - TP/CN-2011/CN.06.

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú tại khu vực biên giới làm con nuôi.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người xin nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.

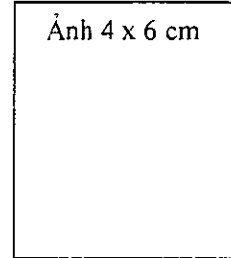
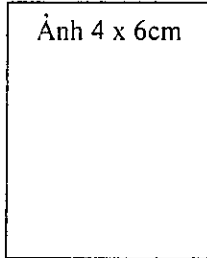
**Các trường hợp không được nhận con nuôi**

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI**  
 (Dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính gửi:

**Chúng tôi/tôi là:**

	<b>Ông</b>	<b>Bà</b>
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:  Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:  Quốc tịch:

Tình trạng sức khỏe:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

<sup>1</sup> Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Nơi đang cư trú:

Gia đình:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại, /fax/ email		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi		

Cơ sở nuôi dưỡng<sup>2</sup>: .....

Lý do nhận con nuôi: .....

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....<sup>3</sup> nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị<sup>4</sup> ..... xem xét, giải quyết.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**ÔNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÀ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>2</sup> Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.

<sup>3</sup> Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

<sup>4</sup> Như kính gửi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Ông:

Họ và tên: ..... Ngày sinh: .....  
Nơi sinh: .....  
Số Giấy CMND: ..... Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....  
Nghề nghiệp: .....  
Nơi thường trú: .....  
Tình trạng hôn nhân<sup>5</sup>: .....

2. Bà:

Họ và tên: ..... Ngày sinh: .....  
Nơi sinh: .....  
Số Giấy CMND: ..... Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....  
Nghề nghiệp: .....  
Nơi thường trú: .....  
Tình trạng hôn nhân<sup>6</sup>: .....

3. Hoàn cảnh gia đình<sup>7</sup>:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

4. Hoàn cảnh kinh tế:

- Nhà ở: .....  
.....  
.....  
Mức thu nhập: .....  
.....  
..... - Các tài sản khác: .....

<sup>5</sup> Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.

<sup>6</sup> Khai như chủ thích 1.

<sup>7</sup> Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**Ông** **Bà**  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

**Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch<sup>8</sup>:**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**Người xác minh**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn**

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

<sup>8</sup> Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

## **2. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài**

### **Trình tự thực hiện:**

- Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.

\* Địa chỉ và thời gian tiếp nhận: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế; từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ).

- Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

**Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Không

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi - TP/CN-2011/CN.04.

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (đối với việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

- Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 4x 6 cm  
(chụp chưa  
quá 6 tháng)

Ảnh 4x 6 cm  
(chụp chưa  
quá 6 tháng)

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI**

Kính gửi:<sup>9</sup> .....

**Chúng tôi /tôi là:**

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

**Đã nhận người có tên dưới đây làm con nuôi:**

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Nơi thường trú: .....

**Phân khai về bên giao con nuôi trước đây<sup>10</sup>:**

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		

<sup>9</sup> Trường hợp nuôi con nuôi trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thì gửi Sở Tư pháp, nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

<sup>10</sup> Nếu có được các thông tin này.

Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

**Quan hệ với trẻ được nhận làm con nuôi**<sup>3</sup>: .....

Tên cơ sở nuôi dưỡng: .....

Chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng: .....

**Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại:** .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị..... đăng ký.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Người làm chứng thứ nhất<sup>4</sup>**

Tôi tên là.....sinh năm .....

Số CMND....., cư trú tại.....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là.....sinh năm .....

Số CMND....., cư trú tại.....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>3</sup>. Nếu là cơ sở nuôi dưỡng thì ghi rõ tên cơ sở nuôi dưỡng, chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng

<sup>4</sup>. Không cần có xác nhận của người làm chứng nếu

### 3. Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

#### Trình tự thực hiện:

- Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú;

\* Địa chỉ và thời gian tiếp nhận: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế; từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ).

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan; Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi cần được xác minh thì Sở Tư pháp đề nghị Công an tỉnh xác minh; cơ quan công an có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; Trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi;

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, người được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ đối với người được xin nhận làm con nuôi từ gia đình và gửi quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

#### Thành phần hồ sơ:

##### *Hồ sơ của người nhận con nuôi:*

- Đơn xin nhận con nuôi theo mẫu quy định; (Bản chính)
- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; (Bảo sao)
- Phiếu lý lịch tư pháp; (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng)
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân).
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng);
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này) (bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng).

### **Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:**

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

### **Thời hạn giải quyết:**

- Sở Tư pháp: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì tăng thêm 30 ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Cơ quan Công an tỉnh

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

### **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);

- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (mẫu sử dụng cho người nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) - TP/CN-2011/CN.06

**Lệ phí:** 9.000.000 đồng

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (bản chính - mẫu sử dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Ủy ban nhân dân tỉnh)- TP/CN-2011/CN.NNg.01

### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có tư cách đạo đức tốt.

#### ***Các trường hợp không được nhận con nuôi***

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

#### **Căn cứ pháp lý:**

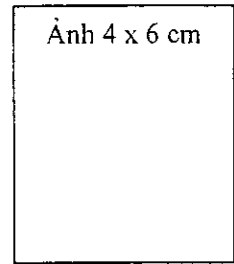
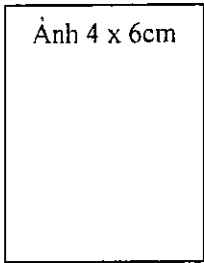
- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI**  
(Dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính gửi:<sup>12</sup> .....

.....

**Chúng tôi/tôi là:**

	<b>Ông</b>	<b>Bà</b>
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Tình trạng sức khoẻ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

<sup>12</sup> Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi

Nơi đang cư trú:

Gia đình:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại, /fax/ email		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi		

Cơ sở nuôi dưỡng<sup>13</sup>: .....

Lý do nhận con nuôi: .....

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....<sup>14</sup> nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị<sup>15</sup> ..... xem xét, giải quyết.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....  
**ÔNG** **BÀ**  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>13</sup> Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.

<sup>14</sup> Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

<sup>15</sup> Như kính gửi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**1. Ông:**

Họ và tên: ..... Ngày sinh: .....  
Nơi sinh: .....  
Số Giấy CMND: ..... Nơi cấp: ..... Ngày cấp .....  
Nghề nghiệp: .....  
Nơi thường trú: .....  
Tình trạng hôn nhân<sup>16</sup>: .....

**2. Bà:**

Họ và tên: ..... Ngày sinh: .....  
Nơi sinh: .....  
Số Giấy CMND: ..... Nơi cấp: ..... Ngày cấp .....  
Nghề nghiệp: .....  
Nơi thường trú: .....  
Tình trạng hôn nhân<sup>17</sup>: .....

**3. Hoàn cảnh gia đình<sup>18</sup>:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**4. Hoàn cảnh kinh tế:**

- Nhà ở: .....  
.....  
.....  
Mức thu nhập: .....  
.....  
.....  
- Các tài sản khác: .....

<sup>16</sup> Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.

<sup>17</sup> Khai như chủ thích.

<sup>18</sup> Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.



....., ngày..... tháng..... năm.....  
**Ông** ..... **Bà** .....  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

**Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch<sup>19</sup>:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người xác minh**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn**

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

<sup>19</sup> Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

#### **4. Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách trẻ em kèm hồ sơ của trẻ xin ý kiến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và chuyển danh sách tới Sở Tư pháp sau khi có ý kiến đồng ý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Tư pháp gửi Cục Con nuôi danh sách trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt đề Cục Con nuôi đề nghị các Văn phòng con nuôi nước ngoài hỗ trợ khám sức khỏe chuyên sâu, chăm sóc y tế và tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em.

- Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài chuyển hồ sơ cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp;

- Văn phòng con nuôi nước ngoài nộp hồ sơ của người nước ngoài có nguyện vọng nhận trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp;

- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi;

- Cục Con nuôi thông báo kết quả tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt cho Cơ quan con nuôi Trung ương của nước ngoài hữu quan và người nhận con nuôi về việc chấp thuận cho nhận đích danh trẻ em làm con nuôi;

- Văn phòng con nuôi nước ngoài gửi văn bản của cha mẹ nuôi đồng ý nhận trẻ làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước đó;

- Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho nhận con nuôi.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi;

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức lễ giao nhận con nuôi;

- Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi nước ngoài.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

##### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ xin nhận con nuôi bao gồm:

+ Đơn xin nhận con nuôi;

+ Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- + Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;
- + Bản điều tra tâm lý, gia đình;
- + Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;
- + Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;
- + Phiếu lý lịch tư pháp;
- + Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.

Các giấy tờ nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá lãnh sự tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

**Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

**Thời hạn giải quyết:**

+ *Thời gian lập danh sách trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt:* Ngay khi tiếp nhận hoặc trong quá trình chăm sóc trẻ em.

+ *Thời gian Sở Tư pháp báo cáo danh sách trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt tới Cục Con nuôi:* 7 ngày, kể từ ngày nhận được danh sách do Cơ sở nuôi dưỡng chuyển tới.

+ *Thời gian nộp hồ sơ:* Bắt đầu từ khi được Cục Con nuôi cho phép hỗ trợ chăm sóc y tế và tìm gia đình thay thế cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt đến khi hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày trẻ em được xác nhận đủ điều kiện làm con nuôi người nước ngoài hoặc 60 ngày trong trường hợp đặc biệt.

+ *Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ:* 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

+ *Thời gian thông báo của Cục Con nuôi:* 7 ngày, kể từ ngày chấp thuận kết quả tìm gia đình thay thế.

+ *Thời gian Văn phòng con nuôi nước ngoài gửi văn bản của cha mẹ nuôi đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hữu quan về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú ở nước ngoài hữu quan:* 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cục Con nuôi (hoặc 60 ngày trong trường hợp trẻ em khuyết tật hoặc mắc bệnh quá nặng, người nhận con nuôi phải có thời gian để tham vấn ý kiến của bác sỹ).

+ *Thời gian Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp:* 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi của cha mẹ nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước ngoài.

+ *Thời gian Sở Tư pháp trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh:* 7 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Cục Con nuôi chuyển đến.

+ Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng con nuôi nước ngoài và cha mẹ nuôi nước ngoài.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cơ quan phối hợp:** Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Cơ quan công an tỉnh.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

**Lệ phí:**

+ Trường hợp nhận 1 trẻ em lớn tuổi từ 5 tuổi trở lên (có sức khỏe bình thường) hoặc nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo: 9.000.000 đồng.

+ Trường hợp nhận 2 trẻ em là anh chị em ruột có sức khỏe bình thường: 13.500.000 đồng.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn xin nhận nuôi con nuôi theo mẫu không đích danh.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện sau:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;

+ Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;

+ Có tư cách đạo đức tốt.

- Người được nhận làm con nuôi phải dưới 16 tuổi, và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đối với trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật nuôi con nuôi;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế;

- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence-Freedom -Happiness**

**ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM**  
**LÀM CON NUÔI**

*(Không đích danh - dùng cho trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ thông qua tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam )*

**APPLICATION FOR VIETNAMESE CHILD**  
**ADOPTION**

*(Used for non-nominal request and the applicant submits the dossier via foreign adoption agency licensed to operate in Vietnam )*

Ảnh 4 x 6 cm  
Photograph 4x6 cm

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
To: *Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam*

**Chúng tôi/tôi là/ We are/I am:**

	<b>Ông/Mr.</b>	<b>Bà/Mrs.</b>
Họ và tên <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Nơi sinh/ <i>Place of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi thường trú <i>Permanent residence</i>		
Số Hộ chiếu/Giấy CMND <i>Passport/National ID N<sup>o</sup></i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày, tháng, năm cấp <i>Date of issue</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại./fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		

Có nguyện vọng nhận trẻ em có đặc điểm như sau làm con nuôi/*Having wished to adopt a child with the following characteristics:*

Độ tuổi/*Age:* .....

Giới tính/*Sex:* .....

Tình trạng sức khỏe/*Health status:* .....

Những đặc điểm khác, nếu có/*Other characteristics, if any:* .....

Lý do xin nhận con nuôi/*Reasons for adoption:*

Chúng tôi/tôi ủy quyền cho Tổ chức con nuôi<sup>1</sup> ..... thay mặt chúng tôi/tôi thực hiện các thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi ở Việt Nam.

*We/I have appointed ..... to act on our/my behalf in fulfilling all necessary adoption procedures in Vietnam.*

Nếu được nhận trẻ em nói trên làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp Việt Nam và Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước nơi con nuôi thường trú.

*If we/I adopt a child, we/I commit to take care of, to nurture and to educate the child as our/my natural child and realise all obligations of parents with the child according to applicable laws. In addition, we/I commit to send to Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam and Vietnamese Missions at the country where our/my adopted child residing the report on the development of our/my adopted child (with the photographs) every 6 months within three years from the day of delivery and receipt.*

Đề nghị Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét, giải quyết.

*We/I would like to propose the Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam to examine and approve our/my request.*

....., ngày..... tháng ..... năm.....

..... on.....

**ÔNG /Mr.**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

**BÀ/Mrs.**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

<sup>1</sup> Ghi tên Tổ chức con nuôi nhận hỗ trợ cho người xin nhận con nuôi/Full name of appointed Adoption Agency

**5. Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp con riêng, cháu ruột, người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên**

**Trình tự thực hiện:**

- Người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi cho Cục Con nuôi. Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi, người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi hoặc gửi cho Cục Con nuôi qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm.

- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu cần thiết, Cục Con nuôi lấy ý kiến của chuyên gia tâm lý, y tế, gia đình, xã hội để xác định người xin nhận con nuôi có điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.

- Trường hợp chấp thuận hồ sơ, Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp không chấp thuận, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người liên quan trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi cần được xác minh thì Sở Tư pháp đề nghị Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác minh; cơ quan công an có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người xin nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.

- Bộ Tư pháp chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo đúng quy định của Luật nuôi con nuôi và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (nếu có yêu cầu).

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

**Thành phần hồ sơ:**

***Hồ sơ của người nhận con nuôi***

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi theo mẫu quy định; (Bản chính)



- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; (Bản sao công chứng)

- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; (Bản chính)

- Bản điều tra về tâm lý, gia đình; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)

- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)

- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)

- Phiếu lý lịch tư pháp; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân).

- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm:

+ Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha đẻ hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.

+ Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

+ Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã, nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi.

Các giấy tờ nêu trên nếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại

#### ***Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:***

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng
- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; ( trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi thì không cần văn bản này).

**Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

**Thời hạn giải quyết:**

- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Cục Con nuôi chuyển đến; trường hợp phải xác minh thì tăng thêm 30 ngày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cơ quan phối hợp:** Cơ quan Công an địa phương (nếu cần thiết).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhận đích danh trẻ em Việt Nam làm con nuôi -TP/CN-2014/CNNNg.04

- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em -TP/CN-2014/CNNNg.05

**Lệ phí:** 9.000.000 đồng

Đối tượng được giảm 50 % lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi: Cô, dì, chú bác nhận cháu ruột làm con nuôi; cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng làm con nuôi; trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh, chị em ruột làm con nuôi, thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.

Đối tượng được miễn nộp chi phí: Cô, dì, chú bác nhận cháu ruột làm con nuôi; cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi;

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;

- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.
- Thường trú ở những nước cùng là thành viên của Điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam.
- Đáp ứng các điều kiện theo pháp luật của nước nơi người đó thường trú.

**Các trường hợp không được nhận làm con nuôi:**

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh 4 x 6 cm  
Photograph 4x6 cm

Ảnh 4 x 6 cm  
Photograph 4x6 cm

ĐƠN XIN NHẬN ĐÍCH DANH TRẺ EM VIỆT NAM  
LÀM CON NUÔI<sup>20</sup>

APPLICATION FOR VIETNAMESE IDENTIFIED CHILD ADOPTION

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
To: Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam

Chúng tôi/tôi là/ We are/I am:

	Ông/Mr.	Bà/Mrs.
Họ và tên <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Nơi sinh/ <i>Place of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi thường trú <i>Permanent residence</i>		
Số Hộ chiếu/Giấy CMND <i>Passport/National ID N<sup>o</sup></i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày, tháng, năm cấp <i>Date of issue</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại./fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi/ <i>Relationship with adopted child</i>		

<sup>20</sup> Dùng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi, hoặc người nước ngoài làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời hạn ít nhất 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, hoặc nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo làm con nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20/5/2014 của Bộ Tư pháp / In case Vietnamese child is adopted by his/her step - mother or step - father, or by maternal or paternal uncles/aunts, or by a foreigner who has been working and living in Vietnam for at least 01 year, or in case of adopting disable children, children with dangerous disease under paragraph 3 Article 3 Circular No. 15 /2014/TT-BTP dated May 20, 2014 of Ministry of Justice.

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi/*Having wished to adopt a child with the following identification:*

Họ và tên/*Full name:* ..... Giới tính/*Sex:* .....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth:* .....

Nơi sinh/*Place of birth:* .....

Dân tộc/*Ethnic group:* ..... Quốc tịch/*Nationality:* .....

Tình trạng sức khỏe/*Health status:* .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/*Place of permanent registration:* .....

Nơi đang cư trú/ *The child is living at:*

Gia đình/*Family:*

	Ông/ <i>Mr.</i>	Bà/ <i>Mrs.</i>
Họ và tên/ <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại, /fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi/ <i>Relationship with adopted child</i>		

Cơ sở nuôi dưỡng/*Institution*<sup>21</sup>: .....

Lý do nhận con nuôi/*Reasons for adoption:* .....

Nếu được nhận trẻ em nói trên làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp Việt Nam và Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước nơi con nuôi thường trú.

<sup>21</sup> Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng/*Full name and address of Institution.*

*If we/I adopt a child, we/I commit to take care of, to nurture and to educate the child as our/my natural child and realise all obligations of parents with the child according to applicable laws. In addition, we/I commit to send to Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam and Vietnamese Missions at the country where our/my adopted child residing the report on the development of our/my adopted child (with the photographs) every 6 months within three years from the day of delivery and receipt.*

Đề nghị Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét, giải quyết.

*We/I would like to propose the Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam to examine and approve our/my request.*

..... ngày..... tháng ..... năm.....

....., on.....

**ÔNG /Mr.**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature and full name)*

**BÀ/Mrs.**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature and full name)*

www.LuatVietnam.vn

VĂN BẢN VỀ ĐẶC ĐIỂM,  
SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM:

Họ và tên : ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Lý do tiếp nhận vào cơ sở nuôi dưỡng:

Mồ côi

Bị bỏ rơi

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ hoàn cảnh đặc biệt): .....

Thông tin về gia đình ruột của trẻ em (nếu có): .....

II. TÌNH TRẠNG SỨC KHOẺ CỦA TRẺ EM:

1. Tình trạng sức khỏe khi sinh ra/hoặc khi được tiếp nhận vào cơ sở nuôi dưỡng:

.....  
.....  
.....

2. Tình trạng sức khỏe hiện tại: Chiều cao: ..... Cân nặng: .....

Bình thường

Có nhu cầu chăm sóc đặc biệt:

i. Nhu cầu chăm sóc đặc biệt: dị tật, khuyết tật, bệnh hiểm nghèo, bệnh cần điều trị cả đời hoặc các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng khác của trẻ em.

.....  
.....  
.....

ii. Quá trình điều trị đã được thực hiện:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

iii. Kế hoạch điều trị (nếu có):

.....  
.....  
.....

3. Tiêm chủng:

Đã được tiêm chủng (cung cấp sổ tiêm chủng cho cha mẹ nuôi)

Chưa được tiêm chủng.

#### 4. Sự phát triển:

	Phù hợp với độ tuổi	Cần phát triển những khả năng này
Khả năng vận động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khả năng giao tiếp, tương tác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khả năng ngôn ngữ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khả năng nhận thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khả năng học tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Những khả năng khác: .....		
.....		
.....		

**III. SỞ THÍCH ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM** *(nêu những sở thích đáng lưu ý của trẻ em để giúp cha mẹ nuôi biết cách đáp ứng nhu cầu của trẻ em):*

.....  
.....  
.....

**IV. THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM** *(nêu những thói quen về ăn uống, sinh hoạt, các loại thức ăn gây dị ứng để giúp cha mẹ nuôi biết cách chăm sóc trẻ em):*

.....  
.....

**V. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT:**

.....  
.....

..... ngày..... tháng..... năm.....  
**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền**<sup>22</sup> **Người làm báo cáo**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

<sup>22</sup> Trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, thì giám đốc cơ sở nuôi dưỡng xác nhận. Trường hợp trẻ em sống tại gia đình, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú xác nhận.



## 6. Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em

### Trình tự thực hiện:

- Người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự tại Việt Nam.
- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu cần thiết thì lấy ý kiến chuyên gia.
- Trường hợp chấp thuận hồ sơ, Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp. Trường hợp không chấp thuận, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.
- Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến.
- Sở Tư pháp chuyển cho Cục Con nuôi 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giới thiệu trẻ em. Nếu cần thiết thì Cục Con nuôi tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, y tế, gia đình, xã hội.
- Cục Con nuôi lập bản đánh giá việc trẻ em Việt Nam đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.
- Người nhận con nuôi gửi giấy đồng ý và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi;
- Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp ý kiến đồng ý của người xin nhận con nuôi.
- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.
- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người xin nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi;
- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp;
- Bộ Tư pháp chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo đúng quy định của Luật nuôi con nuôi và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (nếu có yêu cầu).

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi theo mẫu quy định; (Bản chính)
- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; (Bản sao chứng thực)
- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; (Bản chính)
- Bản điều tra về tâm lý, gia đình; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)
- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)
- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)
- Phiếu lý lịch tư pháp; (Bản chính, được cấp chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi)
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân).

Các giấy tờ nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

**Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

### **Thời hạn giải quyết:**

- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;
- Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi;
- Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình;
- Cục Con nuôi kiểm tra báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em và thông báo cho người nhận con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi;
- Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp ý kiến đồng ý của người xin nhận con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước nơi mà trẻ em được nhận làm con nuôi.

- Sở Tư pháp trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh: 7 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ do Cục Con nuôi chuyển đến.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân tỉnh nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cơ quan phối hợp:** Cơ quan Công an tỉnh (nếu cần thiết).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (không đích danh - dùng cho trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ thông qua tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam) - TP/CN-2014/CNNG.04.a

**Lệ phí:** 9.000.000 đồng

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nhận con nuôi có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.

- Thường trú ở những nước cùng là thành viên của Điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam.

- Đáp ứng các điều kiện theo pháp luật của nước nơi người đó thường trú.

**Các trường hợp không được nhận làm con nuôi:**

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence-Freedom -Happiness**

**ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM**  
**LÀM CON NUÔI**

*(Không đích danh - dùng cho trường hợp người nhận con  
nuôi nộp hồ sơ thông qua tổ chức con nuôi nước ngoài được  
cấp phép hoạt động tại Việt Nam )*

**APPLICATION FOR VIETNAMESE CHILD**  
**ADOPTION**

*(Used for non-nominal request and the applicant submits the dossier via  
foreign adoption agency licensed to operate in Vietnam )*

Ảnh 4 x 6 cm  
Photograph 4x6 cm

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
To: *Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam*

**Chúng tôi/tôi là/ We are/I am:**

	<b>Ông/Mr.</b>	<b>Bà/Mrs.</b>
Họ và tên <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Nơi sinh/ <i>Place of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi thường trú <i>Permanent residence</i>		
Số Hộ chiếu/Giấy CMND <i>Passport/National ID N<sup>o</sup></i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày, tháng, năm cấp <i>Date of issue</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại./fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		

**Có nguyện vọng nhận trẻ em có đặc điểm như sau làm con nuôi/Having wished to  
adopt a child with the following characteristics:**

Độ tuổi/*Age*: .....  
Giới tính/*Sex*: .....  
Tình trạng sức khỏe/*Health status*: .....  
Những đặc điểm khác, nếu có/*Other characteristics, if any*: .....

**Lý do xin nhận con nuôi/*Reasons for adoption*:**

.....  
.....  
.....

**Chúng tôi/tôi ủy quyền cho Tổ chức con nuôi<sup>1</sup> ..... thay mặt chúng tôi/tôi thực hiện các thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi ở Việt Nam.**

*We/I have appointed ..... to act on our/my behalf in fulfilling all necessary adoption procedures in Vietnam.*

Nếu được nhận trẻ em nói trên làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp Việt Nam và Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước nơi con nuôi thường trú.

*If we/I adopt a child, we/I commit to take care of, to nurture and to educate the child as our/my natural child and realise all obligations of parents with the child according to applicable laws. In addition, we/I commit to send to Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam and Vietnamese Missions at the country where our/my adopted child residing the report on the development of our/my adopted child (with the photographs) every 6 months within three years from the day of delivery and receipt.*

**Đề nghị Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét, giải quyết.**

*We/I would like to propose the Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam to examine and approve our/my request.*

....., ngày..... tháng ..... năm.....  
..... on.....

**ÔNG /Mr.**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature and full name)

**BÀ/Mrs.**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature and full name)

<sup>1</sup> Ghi tên Tổ chức con nuôi nhận hỗ trợ cho người xin nhận con nuôi/Full name of appointed Adoption Agency

## **VI. Lĩnh vực Quốc tịch**

### **1. Nhập quốc tịch Việt Nam**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

Trong trường hợp hồ sơ không có đầy đủ các giấy tờ quy định hoặc không hợp lệ thì Sở Tư pháp thông báo ngay để người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có

thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp để thông báo cho người nộp hồ sơ nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định, kèm theo bản trích sao danh sách. Gửi Sở Tư pháp theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.

- Sở Tư pháp trao quyết định cho nhập quốc tịch của Chủ tịch nước cho cá nhân xin nhập quốc tịch Việt Nam.

**Cách thức thực hiện:** Người có yêu cầu nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (theo mẫu);

- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

- Bản khai lý lịch (theo mẫu);

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam cấp;

- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam;

- Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó.

\* Trường hợp Người xin nhập quốc tịch Việt Nam được miễn một số điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì nộp giấy tờ chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:

+ Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân;

+ Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con;

+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận



danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam;

+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nộp giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực nói tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này

**Số lượng hồ sơ:** 03 bộ, được lưu trữ tại Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp.

**Thời hạn giải quyết:** 125 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó, Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương 70 ngày)

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Công an tỉnh

**Kết quả:** Quyết định về việc cho nhập Quốc tịch Việt Nam

**Lệ phí:** 3.000.000 đồng

Các trường hợp được miễn lệ phí:

+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xin nhập quốc tịch Việt Nam bao gồm: Người tham gia, người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; người hoạt động cách mạng xin nhập quốc tịch Việt Nam và các trường hợp khác mà việc nhập quốc tịch Việt Nam có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

+ Người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành xin nhập quốc tịch Việt Nam.

+ Người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 22, Luật Quốc tịch Việt Nam.

+ Người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định trước ngày 01/01/2009 theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người Cam-pu-chia lánh nạn diệt chủng từ những năm 1978 đến 1983 mà không có giấy tờ chứng minh quốc tịch gốc và đã từng được đăng ký tại các trại tị nạn ở Việt Nam do Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) bảo trợ.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (mẫu TP/QT-2010-ĐXNQT.1)

- Tờ khai lý lịch (mẫu TP-QT-2010-TKLL)

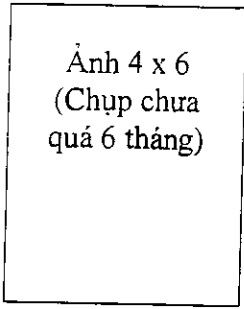
### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam, thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Tuân thủ hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;
- Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng xã hội Việt Nam
- Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên;
- Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam
- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.
- Người nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người quy định tại khoản 2 Nghị định 78/2009/NĐ-CP, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật quốc tịch Việt Nam 24/2008/QH12 có hiệu lực 01/7/2009.
- Luật số 56/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.
- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư Liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam:  Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

.....

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam: .....

.....

.....

Thẻ thường trú số: ....., cấp ngày, tháng, năm:.....

Cơ quan cấp: .....

....., cấp lần thứ:.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

.....

.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là : .....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam

Về quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có):

Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt:

Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

**Giấy tờ kèm theo:**

.....

.....

....., ngày... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế.
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh.
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì.
- (6) Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.
- (7) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn.

Ảnh 4x6  
( Chụp chưa quá  
6 tháng )

**CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI LÝ LỊCH**

Họ và tên (1):.....  
Giới tính : Nam:  Nữ:   
Ngày, tháng, năm sinh:.....  
Nơi sinh (2): .....  
Nơi đăng ký khai sinh (3): .....  
Quốc tịch hiện nay (4): .....  
Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....  
Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....  
Địa chỉ cư trú hiện nay: .....  
Nghề nghiệp:.....  
Nơi làm việc : .....

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**  
(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**

Họ và tên cha : .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú: .....  
Họ và tên mẹ : .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú : .....  
Họ và tên vợ /chồng : .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....  
Quốc tịch : .....  
Địa chỉ cư trú : .....

**Họ và tên con thứ nhất:** .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Nơi sinh:.....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú: .....

**Họ và tên con thứ hai:** .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Nơi sinh:.....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

- (8) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (9) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (10) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (11) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (12) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

## **2. Trở lại quốc tịch Việt Nam**

### **Trình tự thực hiện**

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nếu cư trú ở trong nước nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ).

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Sở Tư pháp trao quyết định cho trở lại quốc tịch của Chủ tịch nước cho cá nhân xin trở lại quốc tịch.

### **Cách thức thực hiện:**

Người có yêu cầu nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (theo mẫu);
- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;
- Bản khai lý lịch(theo mẫu);
- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;
- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam;
- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật quốc tịch Việt nam năm 2008.

\* Số lượng hồ sơ: Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lập thành 3 bộ, được lưu trữ tại Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp và cơ quan tiếp nhận hồ sơ

**Thời hạn giải quyết:** 85 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó, Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương 55 ngày).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Công an tỉnh

**Kết quả:** Giấy chứng nhận

**Lệ phí:** 2.500.000 đồng

Các trường hợp được miễn lệ phí: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam bao gồm: Người tham gia, người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; người hoạt động cách mạng xin trở lại quốc tịch Việt Nam và các trường hợp khác mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam có lợi cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2010-ĐXNQT1)
- Tờ khai lý lịch (theo mẫu TP/QT-2010-TKLL)

**Yêu cầu, điều kiện**



- Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 của Luật này có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- + Xin hồi hương về Việt Nam;
- + Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;
- + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- + Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Thực hiện đầu tư tại Việt Nam;
- + Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây, tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

- + Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;
- + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- + Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **Căn cứ pháp lý**

- Luật quốc tịch Việt Nam 24/2008/QH12 có hiệu lực 01/7/2009.
- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam
- Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch.
- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quốc tịch Việt Nam.
- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư Liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm

2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

Ảnh 4 x 6  
(Chụp chưa  
quá 6 tháng)

Mẫu TP/QT-2010-ĐXTLQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1): .....

Giới tính: Nam:  Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4): .....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): .....

Cấp ngày, tháng, năm: ....., Cơ quan cấp: .....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có): .....

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

.....

Địa chỉ nơi cư trú: .....

.....

.....

Nghề nghiệp: .....

Nơi làm việc: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là : .....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam (nếu có):

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ cư trú hiện nay	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ghi chú (8)

Về quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có):

Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt:

Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

- .....
- .....
- .....

....., ngày ... tháng ..... năm.....

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

- (13) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (14) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (15) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (16) Trường hợp cá từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (17) Ghi rõ loại giấy tờ gì;
- (18) Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;
- (19) Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- (20) Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;
- (21) Đánh dấu 'X' vào 1 trong 2 lựa chọn.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 4x6  
( Chụp chưa quá  
6 tháng )

**TỜ KHAI LÝ LỊCH**

Họ và tên (1):.....  
Giới tính : Nam:  Nữ:   
Ngày, tháng, năm sinh:.....  
Nơi sinh (2): .....  
Nơi đăng ký khai sinh (3): .....  
Quốc tịch hiện nay (4):.....  
Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....  
Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....  
.....  
Địa chỉ cư trú hiện nay: .....  
.....  
.....  
Nghề nghiệp:.....  
Nơi làm việc : .....

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**  
(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**

Họ và tên cha : .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú: .....  
.....  
Họ và tên mẹ : .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Quốc tịch:.....  
Địa chỉ cư trú : .....  
.....  
Họ và tên vợ /chồng : .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....  
Quốc tịch : .....  
Địa chỉ cư trú : .....

**Họ và tên con thứ nhất:** .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

**Họ và tên con thứ hai:** .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

- (22) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (23) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (24) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (25) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (26) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

### 3. Thôi quốc tịch Việt Nam

#### Trình tự thực hiện

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nếu cư trú ở trong nước nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ).

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; đồng thời, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Sở Tư pháp trao quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước cho cá nhân xin thôi quốc tịch Việt Nam.

**Cách thức thực hiện:** Người có yêu cầu nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (theo mẫu);
- Bản khai lý lịch (theo mẫu);
- Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật này;



- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;
- Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này;
- Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;

- Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

**Số lượng hồ sơ:** 03 bộ, được lưu trữ tại Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp.

**Thời hạn giải quyết:** 70 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó, Bộ Tư pháp và cơ quan Trung ương 40 ngày)

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước

**Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:** Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Sở Tư pháp.

**Cơ quan phối hợp:** Công an tỉnh

**Kết quả:** Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam

**Lệ phí:** 2.500.000 đồng

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (mẫu TP/QT-2010-ĐXNQT1)

- Tờ khai lý lịch (mẫu TP/QT-2010-TKLL)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Công dân Việt Nam có đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài thì có thể được thôi quốc tịch Việt Nam.

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Đang chấp hành bản án, quyết định của Toà án Việt Nam;

- Đang bị tạm giam để chờ thi hành án;

- Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam.

- Chính phủ quy định cụ thể các điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam.

- Người đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Luật Quốc tịch Việt Nam mà cơ quan thuế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ nợ có văn bản yêu cầu chưa cho người đó thôi quốc tịch Việt Nam thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ không giải quyết việc cho thôi quốc tịch Việt Nam.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật quốc tịch Việt Nam 24/2008/QH12 có hiệu lực 01/7/2009.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam

- Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch.

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư Liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

Ảnh 4 x 6  
(Chụp chưa  
quá 6 tháng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....  
Giới tính: Nam:  Nữ:   
Ngày, tháng, năm sinh:.....  
Nơi sinh (2): .....  
Nơi đăng ký khai sinh (3): .....  
Quốc tịch hiện nay (4):.....  
Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....  
Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....  
Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):.....  
Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):.....  
Địa chỉ cư trú hiện nay: .....  
Nghề nghiệp:.....  
Nơi làm việc:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thôi quốc tịch Việt Nam (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có)


Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

**Giấy tờ kèm theo:**

- .....
- .....
- .....

....., ngày.. ... tháng ..... năm.....

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

Ảnh 4x6  
( Chụp chưa quá  
6 tháng )

**CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI LÝ LỊCH**

**Họ và tên (1):**.....  
**Giới tính :** Nam:  Nữ:   
**Ngày, tháng, năm sinh:**.....  
**Nơi sinh (2):**.....  
**Nơi đăng ký khai sinh (3):**.....  
**Quốc tịch hiện nay (4):**.....  
**Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):**..... **Số:**.....  
**Cấp ngày, tháng, năm:**....., **Cơ quan cấp:**.....  
**Địa chỉ cư trú hiện nay:**.....  
**Nghề nghiệp:**.....  
**Nơi làm việc :**.....

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**  
(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**

**Họ và tên cha :**.....  
**Ngày, tháng, năm sinh :**.....  
**Quốc tịch:**.....  
**Địa chỉ cư trú:**.....  
**Họ và tên mẹ :**.....

Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Quốc tịch:.....  
Địa chỉ cư trú : .....

**Họ và tên vợ /chồng :** .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Nơi sinh:.....  
Quốc tịch : .....  
Địa chỉ cư trú : .....

**Họ và tên con thứ nhất:** .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Nơi sinh:.....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú: .....

**Họ và tên con thứ hai:** .....  
Ngày, tháng, năm sinh : .....  
Nơi sinh:.....  
Quốc tịch: .....  
Địa chỉ cư trú: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chú thích:**

- (27) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (28) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (29) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (30) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (31) Ghi rõ loại giấy tờ gì.
- (32)

#### **4. Xác nhận có quốc tịch Việt Nam**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Khi có nhu cầu xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam, người yêu cầu có thể nộp hồ sơ trực tiếp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Giải quyết hồ sơ:

+ Đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp chủ động kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam để xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam;

+ Đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:

. Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp và Công an tỉnh nơi người yêu cầu đang cư trú hoặc nơi thường trú cuối cùng của người đó ở Việt Nam tiến hành xác minh.

. Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh; Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu, kiểm tra, xác minh, Bộ Tư pháp hoặc cơ quan, tổ chức liên quan có văn bản trả lời.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNCQTVN) nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam.

Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

**Cách thức thực hiện:** Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

##### **Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;  
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ: Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch

hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi họ tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ);

- Tờ khai lý lịch và các giấy tờ như: Bản sao các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con; Bản sao giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; Bản sao giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch nêu trên.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp khẳng định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Cơ quan phối hợp:** Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam

**Lệ phí:** Không

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người đã từng có quốc tịch Việt Nam

**Căn cứ pháp lý:**

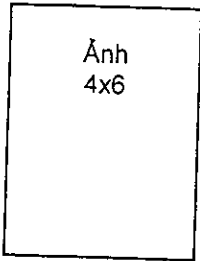
- Luật Quốc tịch Việt Nam;

- Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam

- Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Thông tư liên tịch 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.





Ảnh  
4x6

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi:

Họ và tên người yêu cầu: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có): .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: .....

Số: ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

- 1) .....
- 2) .....
- 3) .....
- 4) .....
- 5) .....

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.  
Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

**NGƯỜI KHAI**  
(ký, ghi rõ họ, tên)

## 5. Xác nhận là người gốc Việt Nam

### Trình tự thực hiện:

- Khi có nhu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam, người yêu cầu có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam, Sở Tư pháp xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNLNGVN).

Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

**Cách thức thực hiện:** Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp

### Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;  
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống;

- Giấy tờ khác có liên quan làm căn cứ để tham khảo bao gồm:

+ Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 cũng là căn cứ để Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét, xác định quốc tịch Việt Nam của người đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;

+ Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNLNGVN).

**Lệ phí:** Chưa có quy định

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-TKXNLNGVN)

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người đã từng có gốc Việt Nam

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư liên tịch 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh  
4x6

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế

Họ và tên người yêu cầu: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có): .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: .....

Số: ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờ chứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

1) .....

2) .....

3) .....

4) .....

5) .....

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./

**NGƯỜI KHAI**  
(ký, ghi rõ họ, tên)